

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-02-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Đến;
2. Ông Huỳnh Ngọc Song.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huê – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thôn – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2020/TB-TLVA ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Văn L, sinh năm 1992 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1991 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2020 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án anh Võ Văn L là nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2011 anh và chị Nguyễn Thị Ngọc T do quen biết nên kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc. Trong quá trình chung sống thì sau khi sinh con đầu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là chị T quen biết với người đàn ông khác, anh đã nhiều lần khuyên nhưng không được nên hai vợ chồng ly thân từ năm 2015 cho đến nay, anh và chị T có nhiều rạn nứt, không còn tin tưởng, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Nên nay anh yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T. Về con chung: có 01 con chung tên Võ Tuấn A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2011. Hiện nay đang sống chung với chị T nên anh đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Chị thừa nhận những lời trình bày của anh Võ Văn L là đúng về thời gian kết hôn, con chung và tài sản chung. Chị thống nhất ly hôn với anh Võ Văn L, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con. Về tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có quan điểm: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo đúng qui định của pháp luật; còn đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo đúng qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký tại Điều 51 BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn L. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Về xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ và thời hạn chuẩn bị xét xử đều thực hiện theo các quy định tại các Điều 68, Điều 97 và Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: anh Võ Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc T kết hôn vào năm 2011. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30 tháng 6 năm 2011. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống anh L cho rằng giữa anh chị có mâu thuẫn, chị T có quan hệ với người đàn ông khác, không quan tâm gia đình; Chị T cho rằng anh L đang sống chung với người phụ nữ khác. Anh, chị đã ly thân từ năm 2015. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa anh L với chị T là trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị T.

[3] Về con chung: Anh Võ Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc T xác định có con chung tên Võ Tuấn A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2011. Hiện nay cháu Tuấn A đang chung sống với chị T nên anh L yêu cầu giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T thống nhất với ý kiến của anh L và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuấn A, nên việc giao cháu Tuấn A cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu về con chung của anh L.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Văn L không cấp dưỡng cho con, chị T cũng có trình bày không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Võ Văn L, chị Nguyễn Thị Ngọc T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Võ Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn L.

Về hôn nhân: Anh Võ Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung tên Võ Tuấn A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Võ Văn L không phải cấp dưỡng cho con. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Võ Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bằng 300.000 đồng nhưng cần trừ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004972 ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, anh L không phải nộp tiếp. Chị Nguyễn Thị Ngọc T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Nguyên